TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-PT
Ngày: 11/11/2019
"V/v t/c quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Minh.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hưng Bính

Ông Trương Cao Sơn

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Thanh Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế: Bà Vũ Thị Liên Hoa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 17/2019/TLPT- DS ngày 10/6/2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2019, của Toà án nhân dân thành phố Huế bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 142/2019/QĐPT-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1945**.** Địa chỉ: số X đường K, phường K, thành phố H, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tường**.** Địa chỉ: số X đường K, phường K, thành phố H, tỉnh T. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Phan Công Th, sinh năm 1970. Địa chỉ: số X đường K, phường K, thành phố H, tỉnh T. Có mặt

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* ông Phan Thanh V, bà Hoàng Thị Thu Th, có mặt. Chị Phan Thị Tố T, bà Lê Thị Kim H, chị Phan Thị N, chị Phan Thị Kim T, anh Phan Thanh H vắng mặt.

Đều trú tại địa chỉ: số X đường K, phường K, thành phố H, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 52, diện tích 40m^2, tọa lạc tại số X đường K, phường K, thành phố H, tỉnh T là thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Văn Tr, đã được UBND thành phố Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 542583 ngày 24/9/2009 đứng tên ông Nguyễn Văn Tr, trong đó có sơ đồ thửa đất thể hiện tứ cận rõ ràng. Do ông Tr không thường xuyên ở tại nhà đất nói trên mà sống chủ yếu ở thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cùng vợ con, nên lợi dụng thời gian ông vắng nhà, ông Phan Công Th đã có hành vi xây lấn hàng rào lấn qua phần đất có chôn cột mốc ranh giới và chiếm dụng một phần diện tích đất khoảng 0,35m^2 (chiều ngang 0,5 m và chiều dài 0,7m) thuộc thửa đất của ông nên phát sinh tranh chấp. Ông Tr đã nhiều lần yêu cầu ông Phan Công Th trả lại phần diện tích đất bị lấn chiếm 0,35m^2 nói trên nhưng ông Th không chịu trả. Ông Tr cũng đã gửi đơn đến UBND phường Kim Long đề nghị giải quyết nhưng không thành. Do đó ông khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Phan Công Th phải trả lại cho ông phần diện tích đất 0,35m^2 đã lấn chiếm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2019, bị đơn là ông Phan Công Th trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 52, diện tích 187,3 m^2, toạ lạc tại số X đường K là của bố mẹ ông là ông Phan Công B, bà Nguyễn Thị N tạo lập. Đến năm 2013 thì ông B bà N cho vợ chồng ông là Phan Công Th, Hoàng Thị Thu T và vợ chồng anh trai ông là ông Phan Công V và bà Lê Thị Kim H, đã được UBND thành phố Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BP 500104 ngày 09/8/2013 đứng tên Phan Công V, Lê Thị Kim H, Phan Công Th và Hoàng Thị Thu T. Qúa trình vợ chồng ông và vợ chồng ông Phan Thanh V sinh sống trên thửa đất này thì không có thay đổi, biến động gì, hiện trạng đất ở ổn định. Nay ông Nguyễn Văn Tr yêu cầu ông phải trả lại phần diện tích đất bị lấn chiếm 0,35m2 nói trên thì ông không đồng ý. Ông cho rằng phần diện tích đất 0,35m^2 (hiện là một phần nhà bếp của ông) mà ông Tr khai nại thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông và vợ chồng ông Phan Thanh V. Do quá trình sử dụng đất, vào ngày 29/5/2013, giữa ông và ông Nguyễn Tường (em ruột của ông Nguyễn Văn Tr) đã có lập biên bản làm việc về việc xác định ranh giới chung giữa hai hộ gia đình, trong đó xác định cột mốc được chôn là ranh giới giữa hai nhà. Do đó ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Hoàng Thị Thu T thống nhất ý kiến với bị đơn. Nhưng người khác không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Công Th phải trả lại diện tích 0,3m^2 đã lấn chiếm và buộc ông Phan Công Th phải tháo dỡ

công trình kiến trúc xây dựng trên đất lấn chiếm để trả lại phần diện tích đất nói trên.

Tại bản án số 05/2019/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2019*, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã quyết định như sau:*

Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 164, khoản 2 Điều 175, khoản 1 Điều 176 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr.

Buộc các ông bà Phan Công Th, Hoàng Thị Thu T, Phan Công V, Lê Thị Kim H phải trả lại diện tích đất 0,3m^2 (thuộc một phần thửa đất số 66, tờ bản đồ số 52 phường Kim Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế) cho ông Nguyễn Văn Tr (vị trí đất có bản vẽ kèm theo).

Buộc các ông, bà Phan Công Th, Hoàng Thị Thu T, Phan Công V, Lê Thị Kim H phải tháo dỡ kiến trúc xây dựng trên đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 52 phường Kim Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế gồm bức tường xây dài 1,5m, cao 2,35m, dày 0,15m (vị trí bức tường có bản vẽ kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, án phí dân sự và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/5/2019, bị đơn ông Phan Công Th và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh V đều có đơn kháng cáo đều với nội dung: Kháng cáo đối với Bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân thành phố Huế. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy bản án sơ thẩm với các lý do:

- Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập, không niêm yết nên những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không được tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng tính lịch sử của công trình trên đất tranh chấp, từ đó giải quyết nội dụng vụ án không đúng.

Tại Phiên tòa phúc thẩm: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Phan Công Th và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến:

Về việc kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được thực hiện theo đúng quy định, không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Về nội dung giải quyết vụ án, xét thấy cấp sơ thẩm đã làm rõ được nội dung tranh chấp, xác định đúng diện tích đất bị lấn chiếm, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; lời trình bày tranh luận của kiểm sát viên, đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ngày 03/5/2019 Tòa án nhân dân thành phố Huế tiến hành việc niêm yết bản án sơ thẩm theo quy định, do đó đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề ngày 10/5/2019 nằm trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa đều được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 và đều không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc ông Phan Công Th và ông Phan Thanh V cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành triệu tập các ông và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng, thấy rằng:

- Tại biên bản về việc không tống đạt được, Biên bản niêm yết, Biên bản tống đạt (Các bút lục 29-36;60-63;84-88;97-100;117-121;130-134 có trong hồ sơ vụ án) đều thể hiện việc Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành tống đạt các các văn bản triệu tập bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn đến tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng có trường hợp bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn từ chối nhận các văn bản này hoặc vắng nhà (có sự xác của chính quyền địa phương), Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục cấp, tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định tại Chương X Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án cũng đã xác minh tại địa phương thể hiện ông T, bà Th, chị Tr, ông V, bà H, chị Ng, chị T, anh H hiện vẫn đang sinh sống tại địa phương. Việc bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án là lỗi của họ. Do đó ông Th và ông Việt đề nghị cấp phúc thẩm xem xét việc Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập các ông đến tham gia tố tụng tại Tòa án là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Phan Công Th và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh V, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã xác định được nguyên đơn, ông Nguyễn Văn Tr được quyền sử dụng diện tích 40 m^2 đất tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 52, toạ lạc tại 118 Kim Long, phường Kim Long, thành phố Huế, có tứ cận rõ ràng. Bị đơn, ông Phan Công Th và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị Thu T, Phan Công V, Lê Thị Kim H được quyền sử dụng 187,3m^2 đất tại thửa đất số 65, tờ bản đồ 52, tạo lạc tại số 120 Kim Long, phường Kim Long, thành phố Huế. Vị trí giáp ranh giữa thửa đất số 65 và 66 là một đường thẳng.

Theo kết quả đo vẽ của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Huế (bản vẽ hiện trạng nhà đất ngày 11/12/2018) thì phần diện tích đất tranh chấp 0,3m^2 thể hiện nằm ngoài thửa đất được Nhà nước công nhận cho hộ ông Phan Công Th và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và nằm hoàn toàn trên thửa đất số 66, tờ bản đồ 52, tọa lạc tại 118 Kim Long, phường Kim Long, thành phố Huế do ông Nguyễn Văn Tr quản lý sử dụng.

Do đó, hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định phần đất tranh chấp 0,3m^2 là thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Nguyễn Văn Tr.

Tòa án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn Tr là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó kháng cáo của ông Phan Công Th và ông Phan Thanh V yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm là không có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Phan Công Th và ông Phan Thanh V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Phan Công Th và ông Phan Thanh V không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí định giá tài sản, lập bản vẽ, án phí dân sự sơ thẩm và quy định về thi hành án, cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật cần giữ nguyên các quyết định này của bản án sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Công Th và ông Phan Thanh V, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 11/4/2019 của Toà án nhân dân thành phố Huế

Áp dụng khoản 2 Điều 164, khoản 2 Điều 175, khoản 1 Điều 176 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 7 Điều 166, khoản 1 Điều 170, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr.

Buộc các ông, bà Phan Công Th, Hoàng Thị Thu Thuỷ, Phan Công Việt, Lê Thị Kim Hương phải trả lại diện tích đất 0,3m^2 (thuộc một phần thửa đất số 66, tờ bản đồ số 52 phường Kim Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế)

cho ông Nguyễn Văn Tr (vị trí đất có Bản vẽ kèm theo Bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 11/4/2019 của Toà án nhân dân thành phố Huế).

Buộc các ông, bà Phan Công Th, Hoàng Thị Thu Thuỷ, Phan Công Việt, Lê Thị Kim Hương phải tháo dỡ kiến trúc xây dựng trên đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 52 phường Kim Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế gồm bức tường xây dài 1,5m, cao 2,35m, dày 0,15m (vị trí bức tường có Bản vẽ kèm theo Bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 11/4/2019 của Toà án nhân dân thành phố Huế).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Công Th và ông Phan Thanh V mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế (BL số 008074, 008075 ngày 24/5/2019 của Chi cục THADS thành phố Huế). Ông Thành, ông Việt đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VŨ VĂN MINH

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; Lưu dán án.